

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂY HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HSST  
Ngày: 12-3-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Mộng Tuyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lương Tấn Nghị và bà Phan Thị Liên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Ông Hà Trọng Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

**Lê Thanh T**, sinh ngày 17/10/2002; nơi sinh và cư trú: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông: T, sinh năm 1965 và bà L, sinh năm 1968; chưa có vợ và con; có 01 chị và 03 anh; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

**- Bị hại:** Anh H, sinh năm 2001

Trú tại: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Bà C, sinh năm 1978

Trú tại: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

**- Người làm chứng:**

1. Ông Th, sinh năm 1974

Trú tại: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2. Anh P, sinh năm 2004

Trú tại: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

**Người đại diện theo pháp luật:** Cha Nguyễn Văn H, sinh năm 1978, mẹ Lê Thị Anh L, sinh năm 1983; Đều trú tại: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Đều vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19h00 ngày 25/6/2020, Lê Thanh T rủ Lê Tuấn H và một số người khác đến quán ông Th ở thôn P, xã H, huyện T ăn nhậu. H điều khiển xe mô tô biển số 78F1-473.08 (xe do bà C đứng tên chủ sở hữu) đến quán. Trong lúc nhậu, T hỏi mượn xe của H đi chở bạn đến cùng nhậu, H. Sau khi mượn được xe, T điều khiển xe đến thành phố T nhưng không gặp bạn, T không đem xe về trả cho H mà ở lại chơi rồi thuê nhà nghỉ ngủ qua đêm. Ngày 26/6/2020, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe nên một mình điều khiển xe mô tô biển số 78F1-473.08 vào TP.HCM làm phương tiện đi lại. Trong quá trình sử dụng xe ở TP.HCM, T sợ bị phát hiện nên đặt mua biển số 79D1.289.38 giả trên mạng Internet (của một người không xác định được lai lịch, địa chỉ) gắn vào xe của H sử dụng. Đến ngày 30/6/2020, H không thấy T trả lại xe nên làm đơn trình báo sự việc đến cơ quan Công an. Ngày 01/8/2020, cơ quan điều tra huyện T ra thông báo truy tìm T và xe mô tô của H. Ngày 26/8/2020, trong lúc T đang điều khiển xe mô tô 78F1-473.08 đi đường nhưng không đội mũ bảo hiểm thì bị Công an phường A, quận B, TP.HCM tiến hành kiểm tra giấy tờ tùy thân, qua kiểm tra T không xuất trình được giấy tờ nên Công an phường đưa về trụ sở làm việc, sau đó thông báo cho Cơ quan điều tra huyện T biết. Ngày 28/8/2020, Cơ quan điều tra huyện T tiến hành thu giữ xe mô tô 78F1-473.08 tại trụ sở Công an phường A, quận B, TP.HCM và T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 18/HĐĐGTS ngày 06/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản, kết luận: Xe mô tô 78F1-473.08 có giá trị 40.000.000đ.

Về vật chứng, đồ vật tạm giữ: Đã trả lại cho chủ sở hữu xe mô tô biển số 78F1-473.08. Hiện đang tạm giữ biển số 79D1.289.38.

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất và có đơn không yêu cầu bồi thường dân sự.

Tại Bản cáo trạng số 06/CT-VKSTH ngày 21 tháng 01 năm 2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Lê Thanh T về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Bị hại không có yêu cầu gì về dân sự.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết định khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, giữ nguyên cáo trạng; đề nghị HĐXX áp dụng: Điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65, Điều 91, Điều 101, điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Về dân sự: Bị hại không có yêu cầu nên không xét. Về vật chứng:

Đã trả lại cho chủ sở hữu xe mô tô biển số 78F1-473.08 nên không xét. Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy biển số 79D1-289.38 vì không có giá trị sử dụng.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thanh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19h00 ngày 25/6/2020, tại thôn P, xã H, huyện T, Lê Thanh T đã có hành vi mượn xe mô tô trị giá 40.000.000đ của bị hại Lê Tuấn H đi chở bạn, sau đó chiếm đoạt xe đem vào TP.HCM làm phương tiện đi lại. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng VKSND huyện T truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật; tuy nhiên lợi dụng sự tin tưởng của bị hại khi được giao tài sản có giá trị lớn 40.000.000đ, mặc dù có điều kiện trả lại tài sản nhưng bị cáo cố tình không trả mà đem xe của bị hại vào TP.HCM sử dụng làm phương tiện đi lại từ ngày 26/6/2020 đến ngày 26/8/2020, thay đổi biển số xe để tránh bị phát hiện, gây khó khăn cho việc điều tra vụ án. Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác, đồng thời làm ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương. Do đó, mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo đề nghị của đại diện VKSND huyện T là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; phải xử nghiêm và cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, tại thời điểm phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xem xét quyết định hình phạt. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[4] *Về dân sự*: Bị hại không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về vật chứng vụ án, đồ vật tạm giữ:*

Đã trả lại cho chủ sở hữu xe mô tô biển số 78F1-473.08 nên HĐXX không xem xét.

Đối với biển số 79D1-289.38 vì không có giá trị sử dụng, áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy.

[6] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thanh T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lê Thanh T **09 (chín) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2. Về vật chứng vụ án, đồ vật tạm giữ:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự; tuyên tịch thu tiêu hủy biển số 79D1-289.38 (*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/01/2021 giữa Cơ quan CSĐT và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Yên*).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo Lê Thanh T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Công an huyện Tây Hòa;
- CCTHADS huyện Tây Hòa;
- Đường sự;
- Lưu án văn, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Mộng Tuyền**